

Số: 02 /GPMT-UBND

Châu Thành, ngày 04 tháng 10 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính Phủ và Luật
Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ
trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật
Bảo vệ môi trường;
Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Chi nhánh Công ty Cổ phần
Hàng tiêu dùng Biên Hòa – Nông trường Biên Hòa – Thành Long ngày 22 tháng 9
năm 2023 và hồ sơ kèm theo;
Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Thành
tại Tờ trình số 176/TTr-P.TNMT ngày 02 tháng 10 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Chi nhánh Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Biên Hòa –
Nông trường Biên Hòa – Thành Long, địa chỉ tại ấp Thành Đông, xã Thành Long,
huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường
của Dự án “Luân canh cây mía với trồng cây ăn trái công nghệ cao” với các nội dung
như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:
 - 1.1 Tên dự án đầu tư: Luân canh cây mía với trồng cây ăn trái công nghệ cao.
 - 1.2 Địa điểm hoạt động: ấp Thành Đông, xã Thành Long, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.
 - 1.3. Dự án Luân canh cây mía với trồng cây ăn trái công nghệ cao (Dự án) của Chi nhánh Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Biên Hòa – Nông trường Biên Hòa – Thành Long (Công ty) được Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 5770706417, chứng nhận lần đầu ngày 24/10/2012, thay đổi lần

thứ 8 ngày 28/6/2021, địa chỉ thực hiện Dự án: ấp Thành Đông, xã Thành Long, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

1.4 Mã số thuế: 3600495818-011

1.5 Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Luân canh cây mía với trồng cây ăn trái công nghệ cao.

1.6 Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở:

1.6.1 Quy mô: Dự án nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.6.2 Tổng diện tích thực hiện của dự án là: 9.545.510,6m².

1.6.3 Công suất: trồng luân canh cây mía với trồng cây ăn trái công nghệ cao

+ Vùng nguyên liệu mía giống: 727,05 ha.

+ Trồng chuối: 140,85 ha.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2: Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường

2. Chi nhánh Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Biên Hòa – Nông trường Biên Hòa – Thành Long có trách nhiệm:

2.1 Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2 Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3 Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4 Báo cáo kịp thời về UBND huyện Châu Thành, UBND xã Thành Long nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5 Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND huyện Châu Thành.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép là 10 năm (từ ngày 04 tháng 10 năm 2023 đến ngày 04 tháng 10 năm 2033).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Thành, UBND xã Thành Long tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Thư
Nơi nhận:

- Chủ dự án;
- Sở TN-MT;
- PTNMT huyện;
- UBND xã Thành Long;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Thành Trung



Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 02.../GPMT-UBND
ngày 04 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt từ hoạt động của công nhân viên, lưu lượng phát sinh 41,04 m³/ngày.
- Nguồn số 02: nước thải sản xuất từ hoạt động rửa chuối, lưu lượng phát sinh 296,352 m³/ngày.

Tổng lưu lượng nước thải phát sinh tại Dự án là: 337,392 m³/ngày đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

- Dòng nước thải số 01: nguồn số 01 được xử lý qua hệ thống xử lý bể tự hoại 3 ngăn. Khi bể đầy, thuê đơn vị đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý đúng theo quy định.

- Dòng nước thải số 02: nguồn số 02 nước thải sản xuất từ hoạt động rửa chuối sau khi xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A trước khi tái sử dụng toàn bộ cho quá trình tưới tiêu tại dự án.

2.2. Vị trí xả nước thải:

Dự án không xả nước thải ra môi trường, sau khi qua hệ hồ lắng nước thải sẽ được bơm lên tái sử dụng cho tưới tiêu tại Nông trường thuộc ấp Thành Đông, xã Thành Long, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

+Phương thức xả thải: Dự án không xả nước thải ra môi trường.

+Chế độ xả thải: Dự án không xả nước thải ra môi trường.

+Nguồn tiếp nhận: Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A trước khi tái sử dụng toàn bộ cho quá trình tưới tiêu tại dự án

2.3.3. Chất lượng nước thải sản xuất sau khi xử lý, cụ thể như sau:

TT	Tên chất	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	6 – 9	06 tháng/lần
2	TSS	mg/L	40,5	
3	COD	mg/L	81	
4	BOD ₅	mg/L	32,4	
5	Tổng Nitơ	mg/L	40,5	
6	Tổng Coliform	MPN/100ml	3.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh của công nhân viên với lưu lượng lớn nhất là $41,04\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ được xử lý bằng bể tự hoại, số lượng 02 bể tự hoại, mỗi bể có thể tích 30 m^3 .

Nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất (công đoạn rửa chuỗi) khoảng $296,352\text{ m}^3/\text{ngày}$, nước thải phát sinh được thu gom xả ra hồ lắng có lót bạc chống thấm với kích thước ($11\text{m} \times 7\text{m} \times 1,5\text{m}$), sau đó được tái sử dụng cho quá trình tưới tiêu tại Nông trường. Nước thải sau khi qua bể lắng đạt cột A, QCVN 40 :2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải Công nghiệp.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1 Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải sinh hoạt $\rightarrow$ bể tự hoại $\rightarrow$ định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

Nước thải sản xuất $\rightarrow$ hồ lắng chống thấm $\rightarrow$ tái sử dụng.

1.2.2 Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- 02 bể tự hoại, thể tích: 30m^3 , kết cấu vật liệu bê tông cốt thép.
- 01 hồ lắng, thể tích $78,5\text{ m}^3$, kết cấu đất có lót bạc chống thấm.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Đối với nước thải sinh hoạt: Định kỳ thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý bùn từ bể tự hoại.

Đối với nước thải sản xuất: Định kỳ 6 tháng/lần, bùn lắng sẽ được thu gom phơi khô và làm phân bón phục vụ tại dự án.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

2.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo:

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường được cấp. Trường hợp có thay đổi so với nội dung Giấy phép môi trường được cấp, phải báo cáo UBND huyện Châu Thành xem xét, giải quyết.

Phụ lục 2
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 02../GPMT-UBND
ngày 04 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	3	16 01 06
2	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	2	08 02 04
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	80	17 02 03
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	40	18 02 01
5	Chất thải có dư lượng hóa chất thuốc trừ sâu	80	14 01 01
6	Chất thải có dư lượng hóa chất trừ cỏ	50	14 01 02
7	Chất thải có dư lượng hóa chất diệt nấm	-	14 01 03
8	Hóa chất bảo vệ thực vật và diệt trừ các loại gây hại thải, tồn lưu hoặc quá hạn sử dụng không có nguồn gốc halogen hữu cơ	-	14 01 04
9	Bao bì mềm thải (không chứa hóa chất nông nghiệp có gốc halogen hữu cơ)	40	14 01 05
10	Bao bì cứng thải (không chứa hóa chất nông nghiệp có gốc halogen hữu cơ)	-	14 01 06
11	Pin, ắc quy chì thải	-	19 06 01
Tổng số lượng		295	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng
1	Lá mía, ngọn mía non	Rắn	5.000 tấn/vụ

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng
2	Lá chuối úng, các bẹ chuối đã lâu ngày, bông chuối không đạt tiêu chuẩn cho trái	Rắn	100 tấn/năm
3	Chuối thừa, hoa khô còn sót lại	Rắn	10 tấn/vụ
4	Bao bì thải bỏ trong quá trình đóng gói	Rắn	200 kg/tháng
5	Bao bì chứa phân bón	Rắn	200 kg/tháng

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/ngày)
1	Chất thải không có khả năng tái chế (vỏ trái cây, thực phẩm thừa,...)	175
Tổng khối lượng		175

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Trang bị thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại có nắp đậy kín, đảm bảo điều kiện kín, khít đối với các thiết bị lưu chất thải nguy hại ở dạng lỏng.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 360 m².

Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: có tường gạch bao quanh, mái tôn, nền bê tông có gờ chắn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có biện pháp cách ly với các loại chất thải nguy hại hoặc nhóm chất thải nguy hại khác có khả năng phản ứng hóa học với nhau; trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

2.1.3. Biện pháp xử lý:

- Thực hiện các biện pháp thu gom, lưu chứa, phân loại chất thải theo quy định tại Điều 68, Điều 69 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, xử lý theo quy định.

Phụ lục 2
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 02.../GPMT-UBND
ngày 04 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	3	16 01 06
2	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	2	08 02 04
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	80	17 02 03
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	40	18 02 01
5	Chất thải có dư lượng hóa chất thuốc trừ sâu	80	14 01 01
6	Chất thải có dư lượng hóa chất trừ cỏ	50	14 01 02
7	Chất thải có dư lượng hóa chất diệt nấm	-	14 01 03
8	Hóa chất bảo vệ thực vật và diệt trừ các loại gây hại thải, tồn lưu hoặc quá hạn sử dụng không có nguồn gốc halogen hữu cơ	-	14 01 04
9	Bao bì mềm thải (không chứa hóa chất nông nghiệp có gốc halogen hữu cơ)	40	14 01 05
10	Bao bì cứng thải (không chứa hóa chất nông nghiệp có gốc halogen hữu cơ)	-	14 01 06
11	Pin, ắc quy chì thải	-	19 06 01
Tổng số lượng		295	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng
1	Lá mía, ngọn mía non	Rắn	5.000 tấn/vụ

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng
2	Lá chuối úng, các bẹ chuối đã lâu ngày, bông chuối không đạt tiêu chuẩn cho trái	Rắn	100 tấn/năm
3	Chuối thừa, hoa khô còn sót lại	Rắn	10 tấn/vụ
4	Bao bì thải bỏ trong quá trình đóng gói	Rắn	200 kg/tháng
5	Bao bì chứa phân bón	Rắn	200 kg/tháng

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/ngày)
1	Chất thải không có khả năng tái chế (vỏ trái cây, thực phẩm thừa,...)	175
Tổng khối lượng		175

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Trang bị thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại có nắp đậy kín, đảm bảo điều kiện kín, khít đối với các thiết bị lưu chất thải nguy hại ở dạng lỏng.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 360 m².

Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: có tường gạch bao quanh, mái tôn, nền bê tông có gờ chắn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có biện pháp cách ly với các loại chất thải nguy hại hoặc nhóm chất thải nguy hại khác có khả năng phản ứng hóa học với nhau; trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

2.1.3. Biện pháp xử lý:

- Thực hiện các biện pháp thu gom, lưu chứa, phân loại chất thải theo quy định tại Điều 68, Điều 69 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Lá mía và ngọn mía non

- + Biện pháp xử lý: Lá mía và ngọn mía non sẽ được băm nhuyễn ngay trên đồng để làm phân bón hữu cơ.

- Lá chuối úng, các bẹ chuối đã lâu ngày, bông chuối không đạt tiêu chuẩn cho trái,...cây chuối không đảm bảo cho ra trái đúng theo tiêu chuẩn quy định.

- + Biện pháp xử lý: Lá chuối úng, các bẹ chuối đã lâu ngày, bông chuối không đạt tiêu chuẩn quy định được cắt tỉa và thải bỏ tại gốc để cung cấp độ ẩm, tự phân hủy làm chất hữu cơ mang nhiều chất dinh dưỡng chất cho chuối con sau này. Thân chuối sau khi thu hoạch không cắt ngay mà để truyền chất dinh dưỡng qua cây con, rồi từ từ lụi tàn và phân hủy thành chất hữu cơ.

- Nải chuối thừa, hoa khô còn sót lại

- + Biện pháp xử lý: Xay nhuyễn, ủ phân compose để tận dụng phân bón lại vào thân cây chuối.

- Bao bì thải bỏ trong quá trình đóng gói

- + Biện pháp xử lý: Nông trường thu gom và bán lại cho đơn vị có nhu cầu thu mua.

- Bao bì chứa phân bón

- + Biện pháp xử lý: Nông trường thu gom và bán lại cho đơn vị có nhu cầu hoặc tái sử dụng làm phân bón.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1 Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa 240 lít có nắp đậy.

2.3.2 Khu vực lưu chứa: Bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực có phát sinh

2.3.3 Biện pháp xử lý: Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý đúng với quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu vực chất thải rắn, chất thải nguy hại:

Thiết kế đúng quy định khu vực lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:

Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất đặc điểm của Dự án, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

